

Số: 23/2020/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và
lệ phí cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng
6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 1999 của
Chính phủ về Chứng minh nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2007 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày
03 tháng 02 năm 1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày
03 tháng 02 năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung bằng Nghị định số
170/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định
chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Xét Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Cá nhân, hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Chứng minh nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mức thu, miễn lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân

1. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc thành phố Mỹ Tho	Các địa bàn khác
1	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân.	đồng/lần cấp	22.000	11.000
2	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	đồng/lần đăng ký	16.000	8.000
3	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000
4	Gia hạn tạm trú.	đồng/lần gia hạn	12.000	6.000

2. Mức thu lệ phí cấp Chứng minh nhân dân

Mức thu lệ phí cấp Chứng minh nhân dân khi cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi Chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền chụp ảnh của người được cấp Chứng minh nhân dân):

- a) Tại các phường thuộc thành phố Mỹ Tho: 10.000 đồng/lần cấp;
- b) Tại các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh: 5.000 đồng/lần cấp.

3. Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân:

- a) Các đối tượng thuộc gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật;
- b) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Các đối tượng phải thay đổi các nội dung về đăng ký cư trú, phải đổi Chứng minh nhân dân do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính.

Điều 3. Chế độ thu, nộp và lập dự toán chi phí phục vụ công tác thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân

1. Chế độ thu, nộp:

a) Lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân được thu bằng tiền Việt Nam. Cơ quan được cấp có thẩm quyền giao quản lý về cư trú, cấp Chứng minh nhân dân có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân và sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế;

b) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí một lần khi nộp hồ sơ thực hiện các thủ tục liên quan đến quản lý cư trú, cấp đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân;

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Lập dự toán chi phí phục vụ công tác thu lệ phí

Hàng năm, căn cứ vào số thu, các chi phí năm trước liền kề và nhiệm vụ dự kiến thực hiện năm kế hoạch, cơ quan tổ chức thu lập dự toán cho công tác thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân, tổng hợp vào dự toán của đơn vị, gửi cơ quan tài chính xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2020.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. /.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Công an, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh